



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 – 41
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 - 43

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Kinh
Doanh Nhà

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Kinh
Doanh Nhà
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
CN=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Kinh Doanh Nhà,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0302199864
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025/04/01 08:50:22 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư – Kinh doanh Nhà đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty CP Đầu tư – Kinh doanh Nhà và 03 công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Nhà, tên viết tắt là: INTRESCO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước Đầu tư – Kinh doanh Nhà thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn được cổ phần hóa theo Quyết định số 23/2000/QĐ-TTg ngày 18/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ, chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302199864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Vốn điều lệ: 876.544.270.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ITC theo Quyết định số 115/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ban hành ngày 24/9/2009.

2. Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : + 84 (28) 38 230 256
- Mã số thuế : 0302199864

• Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Bình Dương	Số 175 Nguyễn Chí Thanh, P. Tương Bình Hiệp, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%
2.	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Nhà hàng Khách sạn Royal	Số 18 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%
3.	Công ty CP Xây dựng Intresco	Số 20 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%

• Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty CP SX TM XD Long Bình	Số 918 - 920 Nguyễn Trãi, Phường 14, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	36,36%	36,36%	36,36%	36,36%	36,36%	36,36%
2.	Công ty CP TM Thế giới Du lịch (*)	Số 18 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	45,00%	45,00%	34,25%	34,25%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(*) Công ty CP TM Thế giới Du lịch (“Travel World”) là công ty liên kết gián tiếp thông qua công ty con trực tiếp, gồm: Công ty CP Dịch vụ Du lịch Nhà hàng Khách sạn Royal (chiếm 40,00% quyền biểu quyết tại Travel World) và Công ty CP Xây dựng Intresco (chiếm 5,00% quyền biểu quyết tại Travel World).

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có liên quan;
- Cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch, bất động sản, quản lý bất động sản;
- Dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	28/04/2021	-
Ông Trương Minh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT	28/04/2021	-
Ông Lê Vĩnh Khiêm	Thành viên	28/04/2021	-
Bà Nguyễn Thị Xuân Trang	Thành viên	29/04/2022	-
Ông Trần Hữu Khánh	Thành viên	29/04/2022	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Hồng Liên	Trưởng ban	28/04/2021	-
Ông Lê Quang Sơn	Thành viên	28/04/2021	-
Bà Hồ Thị Lưu	Thành viên	28/04/2021	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Thuận	Tổng Giám đốc	28/04/2021	-
Ông Đoàn Hữu Chí	Phó Tổng Giám đốc	02/05/2019	-
	kiêm Kế toán trưởng		19/08/2024
Ông Âu Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	12/10/2022	-
Bà Hà Thu Hương	Kế toán trưởng	19/08/2024	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Minh Thuận (Tổng Giám đốc).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 07 đến trang 43.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

128
ÔNG
NHẬN
DẤU
JAN
12/1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



TRƯƠNG MINH THUẬN

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025.

125
T
H
A
Y
V
I
E
T

Số 2245/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Đầu tư – Kinh doanh Nhà và (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 43), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất), chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THAY
VĂN
:T
HTD

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.6 – Hằng tồn kho trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất), trong đó mô tả trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 347, 355, 442, 444 tại Ấp 4, xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh với tổng giá trị là 52.197.355.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, các quyền sử dụng đất trên chưa được chuyển sang tên Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 29 tháng 3 năm 2024, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.165.117.203.528	2.219.141.791.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	40.546.457.375	148.971.684.132
111	1. Tiền		40.546.457.375	148.971.684.132
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.400.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		373.859.821.530	360.366.370.305
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2a	157.993.562.777	138.232.526.226
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	145.348.005.759	138.291.929.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	13.495.984.676
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	89.491.084.252	89.318.761.159
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(18.972.831.258)	(18.972.831.258)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.732.364.838.515	1.701.137.109.641
141	1. Hàng tồn kho		1.745.000.932.852	1.713.773.203.978
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(12.636.094.337)	(12.636.094.337)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.946.086.108	8.666.627.638
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	2.990.771.648	2.103.199.892
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.955.314.460	6.563.427.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.823.319.134.639	1.931.042.243.048
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19.908.157.000	11.893.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.2b	8.015.157.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.4b	14.554.060.000	14.554.060.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.5	(2.661.060.000)	(2.661.060.000)
220	II. Tài sản cố định		1.108.013.486.271	1.195.870.450.507
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	651.206.991.015	736.189.486.550
222	- Nguyên giá		772.523.400.099	891.026.099.966
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.316.409.084)	(154.836.613.416)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	456.806.495.256	459.680.963.957
228	- Nguyên giá		476.926.401.645	477.331.651.645
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.119.906.389)	(17.650.687.688)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	587.123.005.954	614.584.272.538
231	- Nguyên giá		701.861.285.993	703.603.850.894
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(114.738.280.039)	(89.019.578.356)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.161.441.909	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	61.232.863.733	62.441.827.193
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.766.363.733	21.475.327.193
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.566.500.000	42.566.500.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		44.880.179.772	46.252.692.810
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	33.404.062.416	34.633.307.173
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		11.476.117.356	11.619.385.637
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.988.436.338.167	4.150.184.034.762

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.665.747.882.458	1.845.209.869.715
310	I. Nợ ngắn hạn		1.306.313.638.541	1.467.363.651.783
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	121.491.942.557	110.694.957.952
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13a	236.477.686.257	220.737.046.095
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	44.225.964.117	72.359.102.195
314	4. Phải trả người lao động		14.984.237.366	20.536.295.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	197.402.333.418	218.670.750.097
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.16	33.497.667	557.621.161
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	227.332.212.622	436.784.474.797
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	444.622.277.048	368.856.912.374
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		333.613.954	615.120.220
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	19.409.873.535	17.551.371.388
330	II. Nợ dài hạn		359.434.243.917	377.846.217.932
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13b	138.185.879.569	147.387.257.569
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.462.272.538	5.462.272.538
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.17b	24.732.461.914	25.891.089.914
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	185.490.695.000	197.716.844.002
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		4.288.672.987	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		1.274.261.909	1.388.753.909
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.322.688.455.709	2.304.974.165.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	2.322.688.455.709	2.304.974.165.047
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		963.754.090.000	963.754.090.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		963.754.090.000	963.754.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		748.683.126.824	748.683.126.824
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.827.530.297	4.502.976.820
415	4. Cổ phiếu quỹ		(9.825.117.611)	(9.825.117.611)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		103.385.054.165,00	98.477.284.311
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		363.440.919.206	332.974.535.444
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		288.947.942.809	254.961.090.699
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		74.492.976.397	78.013.444.745
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		149.422.852.828	166.407.269.259
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.988.436.338.167	4.150.184.034.762

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC

HÀ THU HƯƠNG

TRƯƠNG MINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		572.806.132.538	531.504.743.092
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		62.764.180	2.488.379.860
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	572.743.368.358	529.016.363.232
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	380.499.614.852	303.979.121.090
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		192.243.753.506	225.037.242.142
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.030.452.207	2.577.988.197
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	77.035.573.985	83.903.468.433
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		76.936.267.364	83.542.328.267
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(708.963.460)	(962.344.398)
24	9. Chi phí bán hàng	VI.5	8.940.598.914	6.681.066.118
25	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	59.826.884.261	57.988.863.111
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.762.185.093	78.079.488.279
31	12. Thu nhập khác	VI.7	30.105.831.374	49.031.205.233
32	13. Chi phí khác	VI.8	11.212.880.795	2.337.774.879
40	14. Lợi nhuận khác		18.892.950.579	46.693.430.356
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.655.135.672	124.772.918.635
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	31.668.352.794	34.125.722.613
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		4.431.941.269	2.685.454.126
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32.554.841.609	87.961.741.896
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		32.915.996.471	78.013.444.745
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(361.154.862)	9.948.297.151
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	335	786
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	335	786

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC

HÀ THU HƯƠNG

TRƯƠNG MINH THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.14	68.655.135.672	124.772.918.635
	2. Điều chỉnh cho các khoản		141.799.086.045	124.719.013.838
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8,9,10	65.064.184.087	46.281.331.603
03	- Các khoản dự phòng		-	(920.956.832)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	249.627.948
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3,7	(201.365.406)	(4.433.317.148)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	76.936.267.364	83.542.328.267
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		210.454.221.717	249.491.932.473
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(23.757.226.660)	(7.792.448.206)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(31.227.728.874)	14.569.067.077
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(129.571.205.330)	27.035.191.569
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		341.673.001	1.819.071.014
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	- 81.72
14	- Tiền lãi vay đã trả		(119.427.474.087)	(83.853.366.158)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(50.003.965.923)	(33.222.485.022)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	- và
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(1.078.500.000)	(864.650.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(144.270.206.156)	167.182.312.752
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(26.041.574.251)	(14.847.984.722)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	2.636.363.636	6.866.524.172
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.900.000.000)	(13.495.984.676)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		708.963.460	(750.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		902.010.882	1.707.681.988
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(27.694.236.273)	(20.519.763.238)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	583.442.189.316	318.575.079.325
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(519.902.973.644)	(426.817.392.010)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		63.539.215.672	(108.242.312.685)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(108.425.226.757)	38.420.236.829
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	148.971.684.132	110.771.473.977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(220.026.674)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	40.546.457.375	148.971.684.132

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng

HÀ THU HƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



TRƯƠNG MINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty CP Đầu tư – Kinh doanh Nhà và 03 công ty con (sau đây gọi là “Nhóm Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư – Kinh doanh Nhà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có liên quan;
- Cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sản giao dịch, bất động sản, quản lý bất động sản;
- Dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Nhóm Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm nay, Công ty thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh nên thu nhập từ tiền đảm bảo hợp tác kinh doanh khu trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài giảm đáng kể so với năm trước. Ngoài ra, chi phí giá vốn của hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn tăng mạnh so với năm trước. Dẫn đến, Lợi nhuận kế toán sau thuế năm nay giảm 62,99% so với năm trước.

6. Các công ty con

Số lượng công ty con: 03.

Số lượng công ty con hợp nhất: 03.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Bình Dương	Số 175 Nguyễn Chí Thanh, P. Tương Bình Hiệp, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%	64,32%
2.	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Nhà hàng Khách sạn Royal	Số 18 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	75%	75%	75%	75%	75%	75%
3.	Công ty CP Xây dựng Intresco	Số 20 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	85%	85%	85%	85%	85%	85%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 922 nhân viên, tại ngày đầu năm có 781 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm bất động sản: Phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của thành phẩm bất động sản của doanh nghiệp. Thành phẩm bất động sản gồm: Quyền sử dụng đất; nhà; hoặc nhà và quyền sử dụng đất; cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường.
- Hàng hóa bất động sản: Phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá bất động sản của doanh nghiệp. Hàng hoá bất động sản gồm: Quyền sử dụng đất; nhà; hoặc nhà và quyền sử dụng đất; cơ sở hạ tầng mua để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường; Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Nhóm Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán..

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán bất động sản

Bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro trọng yếu và việc hoàn trả chuyển sang cho người mua, thường là trùng với chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả kinh hoạt động doanh nghiệp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng và các khoản giảm trừ trực tiếp doanh thu

Doanh thu dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng là số tiền thuần thắng/thua từ các hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng, trừ đi các điều chỉnh giảm.

Giải thưởng cố định của trò chơi có thưởng được chi trả tại thời điểm người chơi thắng và giảm trừ trực tiếp vào doanh thu trò chơi có thưởng tương ứng. Công ty ghi nhận số tiền gia tăng của giải thưởng tích

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lũy lũy tiền khi máy có giải thưởng tích lũy lũy tiền được chơi, vào khoản giảm trừ trực tiếp của doanh thu trò chơi có thưởng tương ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	15.516.970.442	46.411.097.143
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.440.458.001	101.306.626.989
- Tiền đang chuyển	1.589.028.932	1.253.960.000
Cộng	40.546.457.375	148.971.684.132

2. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng**2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chủ yếu là phải thu tiền bán bất động sản cho khách hàng đang trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	29.020.993.107	4.015.610.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	831.610.000	831.610.000
- Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam	484.000.000	484.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Dự án Đại Phú Lộc	27.705.383.107	2.700.000.000
Phải thu các khách hàng khác	128.972.569.670	134.216.916.226
- Khách hàng Dự án Long Thới	57.754.407.409	59.230.025.409
- Công ty TNHH Xây dựng Nam Hải	37.089.414.000	45.334.571.000
- Khách hàng Dự án Terra Royal	9.835.347.370	13.659.862.495
- Khách hàng Dự án 6B	2.462.179.972	2.641.161.972
- Các khách hàng khác	21.831.220.919	17.366.905.350
Cộng	157.993.562.777	138.232.526.226
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.856.973.800)	(5.856.973.800)
Giá trị thuần	152.136.588.977	132.375.552.426

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	8.015.157.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Nam Hải (*)	8.015.157.000	-
Cộng	8.015.157.000	-

(*) Là khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng của Hợp đồng xây dựng công trình số 939/HĐKT/ĐTKDN ngày 8/11/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chủ yếu là các khoản trả trước ngắn hạn cho các nhà thầu liên quan đến các dự án bất động sản.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan	115.391.891.431	78.844.819.565
- Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương lai	72.085.658.000	35.538.586.134
- Công ty CP Xây dựng Khang Phát	19.378.630.000	19.378.630.000
- Công ty TNHH Sài Gòn Viễn Đông	12.927.603.431	12.927.603.431
- Công ty CP SX TM XD Long Bình	11.000.000.000	11.000.000.000
Trả trước ngắn hạn cho các người bán khác	29.956.114.328	59.447.109.937
- Công ty CP Xây dựng Thương mại Thái Dương	31.323.000	31.531.323.000
- Trả trước cho các người bán khác	29.924.791.328	27.915.786.937
Cộng	145.348.005.759	138.291.929.502

4. Phải thu ngắn và dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	56.979.685.427	63.817.865.558
- Thực hiện Dự án Quốc Hương	56.850.000.000	56.850.000.000
- Công ty CP Địa ốc Khang Nam (điện, nước ...)	129.685.427	120.744.028
- Ban Tổng Giám đốc	-	5.580.114.850
- Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai (Lãi vay)	-	1.267.006.680
Phải thu ngắn hạn các bên khác	32.511.398.825	25.500.895.601
- Tạm ứng nhân viên	17.792.964.000	16.181.563.990
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.718.434.825	9.319.331.611
Cộng	89.491.084.252	89.318.761.159
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(13.115.857.458)	(13.115.857.458)
Giá trị thuần	76.375.226.794	76.202.903.701

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu dài hạn các bên khác	14.554.060.000	14.554.060.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Ngọc Phúc (lô 1,2 dự án khu 6B)	11.893.000.000	11.893.000.000
- Công ty CP Hoàng Hải (dự án Bà Điểm Hóc Môn)	2.661.060.000	2.661.060.000
Cộng	14.554.060.000	14.554.060.000
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(2.661.060.000)	(2.661.060.000)
Giá trị thuần	11.893.000.000	11.893.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn và dài hạn	46.067.955.000	(5.856.973.800)	46.067.955.000	(5.856.973.800)
- Công ty TNHH Xây dựng Nam Hải	45.334.571.000	(5.123.589.800)	45.334.571.000	(5.123.589.800)
- Công ty CP Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn	733.384.000	(733.384.000)	733.384.000	(733.384.000)
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác	15.776.917.458	(15.776.917.458)	15.776.917.458	(15.776.917.458)
Cộng	61.844.872.458	(21.633.891.258)	61.844.872.458	(21.633.891.258)

6. Hàng tồn kho

Chủ yếu là chi phí đầu tư xây dựng cho các dự án bất động sản đang triển khai.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí xây dựng dở dang các dự án bất động sản	1.741.591.653.765	-	1.713.773.203.978	-
+ Dự án Khu nhà ở Thương mại, Dịch vụ Sabinco ^(*)	535.147.863.249	-	553.592.527.881	-
+ Dự án The Stars Village, Long Thới – Nhà Bè ^(*)	509.249.657.747	-	497.716.786.297	-
+ Dự án Terra Flora	279.128.265.435	-	241.702.653.629	-
+ Dự án Terra Royal	142.445.956.097	-	87.036.912.840	-
+ Dự án Long Phước ^(*)	49.820.560.917	-	49.127.016.554	-
+ Các dự án khác	225.814.112.684 (12.636.094.337)	-	284.597.306.777 (12.636.094.337)	-
- Nguyên liệu vật liệu	2.553.172.206	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	691.911.570	-	-	-
- Hàng hóa	164.195.311	-	-	-
Cộng	1.745.000.932.852 (12.636.094.337)	-	1.713.773.203.978 (12.636.094.337)	-

(*) Một số quyền sử dụng đất, lợi ích phát sinh trong tương lai từ Dự án Khu nhà ở Thương mại, Dịch vụ Sabinco, Dự án The Stars Village, Long Thới – Nhà Bè và Dự án Long Phước dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem tại Thuyết minh V.18).

Trong đó, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 347, 355, 442, 444 tại Ấp 4, xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh với tổng giá trị là 52.197.355.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, các quyền sử dụng đất này chưa được chuyển sang tên Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	1.291.825.464	1.135.258.257
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.698.946.184	967.941.635
Cộng	2.990.771.648	2.103.199.892

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuê đất (*)	10.936.598.523	11.320.338.819
- Công cụ, dụng cụ đang dùng	22.467.463.893	23.312.968.354
Cộng	33.404.062.416	34.633.307.173

(*) Là khoản tiền thuê đất trả trước tại Khu Thử dục, Thể thao đường 28 tháng 04, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được chuyển nhượng bởi Công ty CP Xây dựng Thương mại Thái Dương theo hợp đồng số 01/HĐMB-2023 ngày 21/11/2023. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/07/2053.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	707.172.509.019	153.304.352.864	18.092.386.853	12.456.851.230	891.026.099.966
- Mua mới	-	20.649.412.948	-	1.000.990.934	21.650.403.882
- Giảm do thanh lý	-	(96.251.586.416)	(5.533.749.091)	-	(101.785.335.507)
- Giảm do không sử dụng	(30.804.258.912)	(6.904.511.281)	-	(270.172.595)	(37.978.942.788)
- Giảm khác	(309.300.000)	(79.525.454)	-	-	(388.825.454)
Số cuối năm	676.058.950.107	70.718.142.661	12.558.637.762	13.187.669.569	772.523.400.099
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	79.246.793.893	61.756.066.541	8.927.248.800	4.906.504.182	154.836.613.416
- Khấu hao trong năm	5.396.197.859	17.220.575.740	4.894.057.592	1.085.270.640	28.596.101.831
- Tăng do ảnh hưởng từ loại trừ giao dịch hợp nhất	6.991.783.148	-	-	-	6.991.783.148
- Giảm do thanh lý	-	(44.223.014.671)	(3.023.212.137)	-	(47.246.226.808)
- Giảm do không sử dụng	(16.723.018.101)	(4.692.623.869)	-	(261.720.699)	(21.677.362.669)
- Giảm khác	(137.397.379)	(47.102.455)	-	-	(184.499.834)
Số cuối năm	74.774.359.420	30.013.901.286	10.798.094.255	5.730.054.123	121.316.409.084
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	627.925.715.126	91.548.286.323	9.165.138.053	7.550.347.048	736.189.486.550
Số cuối năm	601.284.590.687	40.704.241.375	1.760.543.507	7.457.615.446	651.206.991.015

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.235.698.244 đồng.

- Một số tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp các khoản vay (xem tại Thuyết minh V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ*Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	475.297.502.645	2.034.149.000	477.331.651.645
-Mua trong năm	-	2.229.728.460	2.229.728.460
-Giảm trong năm	-	(2.634.978.460)	(2.634.978.460)
Số cuối năm	475.297.502.645	1.628.899.000	476.926.401.645
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.713.587.160	937.100.528	17.650.687.688
-Khấu hao trong năm	-	354.015.990	354.015.990
-Tăng do ảnh hưởng từ loại trừ giao dịch hợp nhất	2.487.488.692	-	2.487.488.692
-Giảm trong năm	-	(372.285.981)	(372.285.981)
Số cuối năm	19.201.075.852	918.830.537	20.119.906.389
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	458.583.915.485	1.097.048.472	459.680.963.957
Số cuối năm	456.096.426.793	710.068.463	456.806.495.256

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.793.154.545 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp các khoản vay là 243.094.984.055 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà và đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	703.603.850.894	703.603.850.894
-Mua trong năm	-	-
-Giảm do thanh lý	(1.742.564.901)	(1.742.564.901)
Số cuối năm	701.861.285.993	701.861.285.993
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	89.019.578.356	89.019.578.356
-Khấu hao trong năm	36.114.066.266	36.114.066.266
-Giảm trong năm	(916.092.743)	(916.092.743)
-Giảm do ảnh hưởng từ loại trừ giao dịch hợp nhất	(9.479.271.840)	(9.479.271.840)
Số cuối năm	114.738.280.039	114.738.280.039
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	614.584.272.538	614.584.272.538
Số cuối năm	587.123.005.954	587.123.005.954

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản của các mặt bằng thuộc Cao ốc An Khang, Khu đô thị An Phú An Khánh, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và quyền khai thác các lợi ích phát sinh từ Khu thương mại và Khách sạn La Vela Saigon thuộc Dự án Terra Royal, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư dùng để chấp các khoản vay là 587.123.005.954 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, các bất động sản này hiện đang được cho thuê và tạo ra doanh thu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư vẫn lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư (xem tại Thuyết minh VI.1)	64.846.507.444	39.291.494.917
- Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm (xem tại Thuyết minh VI.2)	(58.393.200.087)	(15.521.835.796)
Lãi/(Lỗ) thuần	6.453.307.357	23.769.659.121

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	21.475.327.193	21.475.327.193
- Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	42.566.500.000	42.566.500.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.500.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
Giá trị ghi sổ	61.941.827.193	62.441.827.193

11a. Đầu tư vào công ty liên kết**Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích (%)	Giá gốc
- Công ty CP SX TM XD Long Bình	36,36	21.000.000.000	36,36	21.000.000.000
- Công ty CP TM Thẻ giới Du lịch	34,25	6.750.000.000	34,25	6.750.000.000
Cộng		27.750.000.000		27.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Công ty CP SX TM XD Long Bình	Công ty CP Thương mại Thế giới Du lịch	Cộng
Giá trị đầu tư			
- Số đầu năm	21.000.000.000	6.750.000.000	27.750.000.000
- Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
- Giảm giá trị đầu tư	-	-	-
- Số cuối năm	21.000.000.000	6.750.000.000	27.750.000.000
Phần lũy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi đầu tư vào công ty liên kết			
- Số đầu năm	(4.861.638.970)	(1.413.033.837)	(6.274.672.807)
- Phần lãi/(lỗ) từ kết quả kinh doanh công ty liên kết trong năm	-	(708.963.460)	(708.963.460)
- Số cuối năm	(4.861.638.970)	(2.121.997.297)	(2.121.997.297)
Giá trị ghi sổ			
Số đầu năm	16.138.361.030	5.336.966.163	21.475.327.193
Số cuối năm	16.138.361.030	4.628.002.703	20.766.363.733

11b. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định (Nhóm Công ty chiếm 5,61% vốn điều lệ) (*)	34.000.000.000	-	34.000.000.000	-
- Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam (Nhóm Công ty chiếm 10,93% vốn điều lệ) (*)	5.466.500.000	-	5.466.500.000	-
- Công ty CP Sài Gòn Măng Đen (Nhóm Công ty chiếm 1,61% vốn điều lệ)	3.100.000.000	(3.100.000.000)	3.100.000.000	(3.100.000.000)
Cộng	42.566.500.000	(3.100.000.000)	42.566.500.000	(3.100.000.000)

(*) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được xác định tại ngày 31/12/2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán cho các bên liên quan</i>	<i>413.490.100</i>	<i>370.060.643</i>
- Công ty CP Đầu tư địa ốc Khang Nam	326.863.900	326.863.900
- Công ty CP Thương mại Thế giới Du lịch	86.626.200	43.196.743
<i>Phải trả người bán cho các bên khác</i>	<i>121.078.452.457</i>	<i>110.324.897.309</i>
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Vật liệu Xây dựng Ân Long	28.508.306.520	29.758.306.520
- Công ty TNHH TM DV Phú Phú Sương	15.623.597.840	12.314.708.778
- Công ty TNHH TM DV Phú Phú Bảo	12.314.708.778	15.673.597.840
- Phải trả các người bán khác	64.631.839.319	52.578.284.171
Cộng	121.491.942.557	110.694.957.952

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn và dài hạn

Là các khoản ứng trước của khách hàng để mua nhà, đất.

13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>89.069.866.983</i>	<i>89.069.866.983</i>
- Bà Lê Thị Trâm Anh	57.938.443.888	57.938.443.888
- Các bên liên quan khác	31.131.423.095	31.131.423.095
<i>Người mua trả tiền trước là các bên khác</i>	<i>147.407.819.274</i>	<i>131.667.179.112</i>
Cộng	236.477.686.257	220.737.046.095

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các bên khác</i>	<i>138.185.879.569</i>	<i>147.387.257.569</i>
Cộng	138.185.879.569	147.387.257.569

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	17.734.662.121	-	32.985.280.685	(36.081.058.054)	14.638.884.752	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.496.265.387	-	12.367.386.013	(18.712.707.686)	150.943.714	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.810.968.283	-	31.668.352.794	(50.003.965.923)	26.475.355.154	-
- Thuế thu nhập cá nhân	760.551.453	-	6.087.684.080	(6.572.470.817)	275.764.716	-
- Khoản thuế khác	2.556.654.951	-	6.396.243.420	(6.267.882.590)	2.685.015.781	-
Cộng	72.359.102.195	-	89.504.946.992	(117.638.085.070)	44.225.964.117	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.655.135.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	63.087.594.744
+ Chi phí không hợp lý	16.317.482.599
+ Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA	37.114.729.217
+ Tạm tính 1% thuế TNDN tiền nhận trước	601.849.410
+ Các khoản phát sinh từ hợp nhất	7.755.000.728
+ Lỗ thu nhập chịu thuế trong năm của các công ty con	1.298.532.790
- Các khoản điều chỉnh giảm	(114.492.000)
+ Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(114.492.000)
Thu nhập chịu thuế	131.628.238.416
Lỗ tại các công ty con năm trước được chuyển sang	-
Thu nhập tính thuế	131.628.238.416
Thuế suất thuế TNDN	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm	26.325.647.684
Điều chỉnh Thuế TNDN của các năm trước	5.342.705.110
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	31.668.352.794

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	247.557.613	617.094.824
- Công ty TNHH Charllione Việt Nam (phí quản lý)	-	617.094.824
- Bà Lê Thị Trâm Anh (lãi vay)	174.214.880	-
- Ông Trương Minh Đạt (lãi vay)	73.342.733	-
Các đối tượng khác	197.154.775.801	218.053.655.273
- Lãi vay	56.605.565.805	44.299.943.240
- Chi phí xây dựng	133.988.444.928	169.592.603.609
- Khác	6.560.765.068	4.161.108.424
Cộng	197.402.333.414	218.670.750.097

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là tiền cho thuê bất động sản nhận trước từ khách hàng cho toàn bộ thời gian thuê.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện với bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện với bên khác</i>	33.497.667	557.621.161
Cộng	33.497.667	557.621.161

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	39.903.142.755	256.107.049.582
- Công ty TNHH Charlieone Việt Nam ⁽¹⁾	8.903.142.755	187.107.049.582
- Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai (hoàn trả tiền ứng trước do thanh lý hợp đồng)	31.000.000.000	69.000.000.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	187.429.069.867	180.677.425.215
- Công ty CP Địa ốc Chợ Lớn (đặt cọc) ⁽²⁾	96.528.461.000	96.528.461.000
- Bà Nguyễn Thị Xuân Trang ⁽³⁾	16.910.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.350.945.000	4.134.500.000
- Cổ tức phải trả	3.552.536.413	3.639.866.255
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	64.087.127.454	76.374.597.960
Cộng	227.332.212.622	436.784.474.797

⁽¹⁾ Là khoản tiền hoàn trả cho Công ty TNHH Charlieone Việt Nam theo thỏa thuận Thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/05/2024, để hợp tác vận hành kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

⁽²⁾ Là khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 04/HĐĐC/SGBD ngày 27/7/2020 để Công ty CP Địa ốc Chợ Lớn (“Địa ốc Chợ Lớn”) mua 46 căn nhà thuộc Dự án Khu nhà ở Thương mại, Dịch vụ Sabinco (do công ty con Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Bình Dương làm chủ đầu tư). Theo hợp đồng đặt cọc, Địa ốc Chợ Lớn có quyền không mua và nhận lại tiền đặt cọc cùng với số tiền lãi tương ứng theo lãi suất 13%/năm.

⁽³⁾ Là khoản tiền cọc Công ty phải trả lại cho Bà Nguyễn Xuân Trang do thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ số 24.01 - Dự án Terra Royal theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 89A/HĐMB/ĐTKDN ký ngày 15/04/2024 và Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ 24.01 số 266/BBTLHĐ/ĐTKDN ngày 30/08/2024.

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả dài hạn khác là bên liên quan</i>	11.152.000.000	11.152.000.000
- Công ty TNHH Charlieone Việt Nam (đặt cọc)	11.152.000.000	11.152.000.000
<i>Phải trả dài hạn khác</i>	13.580.461.914	14.739.089.914
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	13.580.461.914	14.739.089.914
Cộng	24.732.461.914	25.891.089.914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay tổ chức, cá nhân	566.573.756.376	583.442.189.316	(519.902.973.644)	630.112.972.048
Cộng	566.573.756.376	583.442.189.316	(519.902.973.644)	630.112.972.048

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	109.900.000.000	109.900.000.000	-	-
- Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai ⁽¹⁾	109.900.000.000	109.900.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	280.478.121.046	280.478.121.046	313.541.988.041	313.541.988.041
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽²⁾	84.665.044.076	84.665.044.076	70.441.988.041	70.441.988.041
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Tp. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	51.735.107.820	51.735.107.820	55.100.000.000	55.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tân Bình ⁽⁴⁾	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Vinh ⁽⁵⁾	4.419.885.150	4.419.885.150	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh ⁽⁶⁾	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh ⁽⁷⁾	61.658.084.000	61.658.084.000	125.000.000.000	125.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁸⁾	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	3.054.156.000	3.054.156.000	1.781.591.000	1.781.591.000
- Bà Lê Thị Trâm Anh	2.444.724.000	2.444.724.000	1.222.362.000	1.222.362.000
- Ông Trương Minh Đạt	609.432.000	609.432.000	559.229.000	559.229.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên khác	51.190.000.002	51.190.000.002	53.533.333.333	53.533.333.333
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.200.000.002	50.200.000.002	53.533.333.333	53.533.333.333
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	990.000.000	990.000.000	-	-
Cộng	444.622.277.048	444.622.277.048	368.856.912.374	368.856.912.374

⁽¹⁾ Là khoản vay Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai theo Hợp đồng số 2002/2024/HĐHTKD/KN-ITC ngày 20/02/2024.

- Hạn mức vay: 157.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: đến ngày 14/03/2025.
- Lãi suất vay: 13%/năm.
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay vốn sau:

a. Hợp đồng vay vốn số 01/2024/93512/HĐTD ngày 30/07/2024.

- Hạn mức vay: 70.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ vay.
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 106 Lý Chính Thắng, P. 8, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.9, V.10).

b. Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2023/1184944/HĐTD ngày 11 tháng 09 năm 2023 và Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/11884944/HĐTD ngày 12 tháng 06 năm 2024.

- Hạn mức vay: 80.200.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ vay.
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Tài sản đảm bảo: Nhà đất tại địa chỉ số 213 và 215, đường 9A, Khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh và Nhà đất tại địa chỉ số 76 Lê Văn Sỹ, phường 11, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Giá trị thế chấp lần lượt là 62.016.000.000 đồng và 19.368.000.000 đồng. Các tài sản này thuộc quyền sở hữu của Ông Trương Minh Thuận - Tổng Giám đốc Công ty cùng vợ là bà Lê Thị Trâm Anh.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số HDTD5002024137 ngày 11/07/2024.

- Hạn mức vay: 55.756.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ vay.
- Mục đích vay: phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.
- Tài sản đảm bảo: : quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 16 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.8, V.9); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tòa A, B và C Cao ốc An Khang, P. An Phú An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.10).

(4) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tân Bình theo Hợp đồng vay vốn số 6360LAV202400651 ngày 30/12/2024.

- Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ vay.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh công trình xây dựng.
- Tài sản đảm bảo:
 - + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ Xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.7); Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 347, 355, 442, 444 tại Ấp 4, xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.6).
 - + Tầng thương mại và dịch vụ (tầng 1) tại 0.01 Cao ốc Thịnh Vương số 531 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Q. 2, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.10).
 - + Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 20 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem tại Thuyết minh V.9).
 - + Căn hộ chung cư số 7-01 và căn hộ chung cư số 7-02 tại Cao ốc Phúc hợp lô D&E – Block D1, số 551A đường Nguyễn Kim Quy, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem tại Thuyết minh V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Khu kinh doanh 1 – Block D1; Khu kinh doanh 2 – Block D1; Khu kinh doanh 3 – Block D1 tại Cao ốc Phúc hợp lô D&E – Block D1, số 55A đường Nguyễn Kim Quy, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem tại Thuyết minh V.10).

(5) Là khoản vay ông Nguyễn Xuân Vinh theo Hợp đồng vay vốn số 61A/2024/HĐVV ngày 28/03/2024.

- Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: đến ngày 31/12/2025.
- Lãi suất vay: 11%/năm.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(6) Là khoản vay bà Nguyễn Thị Thanh theo Hợp đồng vay vốn số 24/2021/HĐVV ngày 05/01/2021 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 4 ngày 01/04/2024.

- Hạn mức vay: 8.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: đến ngày 31/12/2025.
- Lãi suất vay: 11%/năm.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:

a. Hợp đồng tín dụng số 28786/24MN/HĐTD ngày 19/08/2024.

- Hạn mức vay: 65.700.000.000 đồng
- Thời hạn vay: đến ngày 19/08/2025.
- Lãi suất vay: 11%/năm.
- Mục đích vay: thanh toán tiền hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty con với công ty mẹ.
- Tài sản đảm bảo:
 - + 37,1 triệu cổ phiếu tại Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Nhà thuộc sở hữu của Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương lai và các bên liên quan.
 - + Toàn bộ quyền phát sinh từ hợp đồng kinh doanh số 1208/2024/HĐHTKD/ITC-XD ngày 12/08/2024 và các phụ lục/hợp đồng bổ sung kèm theo (nếu có).

b. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 42926/22MN/HĐTD, ngày 25/4/2023

- Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Lãi suất vay: 11%/năm.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0253/SGN.KHDN/LD24 ngày 10/12/2024.

- Hạn mức vay: 40.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 6.400.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	59.790.123.000	59.790.123.000	64.116.844.000	64.116.844.000
- Bà Lê Thị Trâm Anh ⁽¹⁾	40.541.917.000	40.541.917.000	43.649.774.000	43.649.774.000
- Ông Trương Minh Đạt ⁽²⁾	19.248.206.000	19.248.206.000	20.467.070.000	20.467.070.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	125.700.572.000	125.700.572.000	133.600.000.002	133.600.000.002
- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽³⁾	125.700.572.000	125.700.572.000	133.600.000.002	133.600.000.002
Cộng	185.490.695.000	185.490.695.000	197.716.844.002	197.716.844.002

⁽¹⁾ Là khoản vay dài hạn bà Lê Thị Trâm Anh với số tiền 46.450.000.000 đồng, từ ngày 31 tháng 01 năm 2023 đến ngày 28 tháng 07 năm 2057, lãi suất 10,5%/năm - 13,5%/năm. Mục đích: để bổ sung vốn lưu động cho dự án Sabinco. Hình thức vay: tín chấp.

⁽²⁾ Là khoản vay dài hạn ông Trương Minh Đạt với số tiền 20.721.000.000 đồng, từ ngày 31 tháng 01 năm 2023 đến ngày 28 tháng 07 năm 2057, lãi suất 10,5%/năm - 13,5%/năm. Mục đích: để bổ sung vốn lưu động cho dự án Sabinco. Hình thức vay: tín chấp.

⁽³⁾ Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau:

a. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/93512/HĐTDTDH ngày 01/11/2022.

- Hạn mức vay: 180.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: thanh toán chi phí hạng mục khách sạn, trung tâm thương mại thuộc dự án Terra Royal.
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất tổng diện tích 10.473 m² tại P. Phước Long, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.7); Quyền sử dụng đất và các tài sản của các mặt bằng thuộc Cao ốc An Khang, P. An Phú An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.11); Quyền sử dụng đất tổng diện tích 24.673 m² tại The Stars Village, Long Thới - Nhơn Đức huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.7); Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và quyền khai thác các lợi ích phát sinh từ Khu thương mại và Khách sạn La Vela Saigon thuộc Dự án Terra Royal (xem tại Thuyết minh V.11); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 106 Lý Chính Thắng, P. 8, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.9, V.10).

b. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/1188494/HĐTD ký ngày 3/10/2024.

- Hạn mức vay: 47.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: Cải tạo tầng 4 tại Khách sạn Lavela Sài Gòn (thuộc dự án khu căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ và khách sạn - Terra Royal).
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án Cải tạo tầng 4 tại Khách sạn Lavela Sài Gòn (Thuộc dự án khu căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ và khách sạn - Terra Royal).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.551.371.388	2.937.002.147	(1.078.500.000)	19.409.873.535
Cộng	17.551.371.388	2.937.002.147	(1.078.500.000)	19.409.873.535

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai	237.992.970.000	24,69	237.992.970.000	24,69
- Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV	155.946.900.000	16,18	155.946.900.000	16,18
- Công ty CP Truyền thông Giải trí Terra	60.730.680.000	6,30	60.730.680.000	6,30
- Vốn góp của cổ đông khác	509.083.540.000	52,83	509.083.540.000	52,83
Cộng	963.754.090.000	100,00	963.754.090.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp (*)
	876.544.270.000	963.754.090.000	(87.209.820.000)
Cộng	876.544.270.000	963.754.090.000	(87.209.820.000)

(*) Số vốn điều lệ đã góp thực tế cao hơn vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 và đã được chấp thuận niêm yết bổ sung 8.720.982 cổ phiếu (tương đương trị giá theo mệnh giá là 87.209.820.000 đồng) theo Quyết định số 809/QĐ-SGDHCM ngày 10/11/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.

20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	963.754.090.000	963.754.090.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	963.754.090.000	963.754.090.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích trong năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	96.375.409	96.375.409
- Cổ phiếu phổ thông	96.375.409	96.375.409
Số lượng cổ phiếu quỹ	440.360	440.360
- Cổ phiếu phổ thông	440.360	440.360
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.935.049	95.935.049
- Cổ phiếu phổ thông	95.935.049	95.935.049

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán bất động sản	43.516.712.860	43.682.802.392
- Doanh thu xây dựng	86.129.965.412	83.383.666.298
- Doanh thu cho thuê	64.846.507.444	39.291.494.917
- Doanh thu dịch vụ trò chơi có thưởng	8.418.284.030	11.538.198.749
- Doanh thu dịch vụ khách sạn	353.992.612.351	322.283.265.055
- Doanh thu khác	15.839.286.261	28.836.935.821
Cộng	572.743.368.358	529.016.363.232

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn bán bất động sản	39.249.585.637	25.333.352.903
- Giá vốn xây dựng	80.826.370.973	61.061.038.943
- Giá vốn cho thuê	58.393.200.087	15.521.835.796
- Giá vốn dịch vụ trò chơi có thưởng	7.919.196.635	14.325.254.082
- Giá vốn dịch vụ khách sạn	189.289.233.328	178.651.598.921
- Giá vốn khác	4.822.028.192	9.086.040.445
Cộng	380.499.614.852	303.979.121.090

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	902.010.882	1.707.681.988
- Doanh thu tài chính khác	3.128.441.325	870.306.209
Cộng	4.030.452.207	2.577.988.197

9/12/24
G TY
M HUU
VA TL
N VI
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	76.936.267.364	83.542.328.267
- Chi phí tài chính khác	99.306.621	361.140.166
Cộng	77.035.573.985	83.903.468.433

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	5.167.992.767	2.253.980.327
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.078.401.954	3.559.578.739
- Chi phí bán hàng khác	694.204.193	867.507.052
Cộng	8.940.598.914	6.681.066.118

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	30.984.945.968	30.536.173.860
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.500.955.989	2.938.360.376
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.741.496.238	18.667.101.335
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.599.486.066	5.847.227.540
Cộng	59.826.884.261	57.988.863.111

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	125.826.682	-
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.636.363.636	-
+ Giá trị còn lại tài sản cố định	(2.510.536.954)	-
- Thu nhập từ tiền đảm bảo hợp tác kinh doanh	5.958.120.000	-
- Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	12.688.312.956	47.312.425.267
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	16.400.435.640	913.195.455
- Thu nhập khác	415.548.396	805.584.513
Cộng	30.105.831.374	49.031.205.235

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí ngưng hợp tác kinh doanh	1.905.245.670	-
- Chi phí khác	9.307.635.125	2.337.774.879
Cộng	11.212.880.795	2.337.774.879

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	32.915.996.471	78.013.444.745
- Trừ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(658.319.929)	(2.592.818.834)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.257.676.542	75.420.625.911
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	95.935.049	95.935.049
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày kết thúc kỳ kế toán (CP)	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	335	786
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	335	786

(*) Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của Năm trước được trình bày lại trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) Năm nay, do Năm nay phản ánh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế từ lợi nhuận của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 24/04/2024 của Công ty mẹ và các Nghị quyết đại hội cổ đông của các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm trích 2% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 24/04/2024.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.599.183.805	103.357.162.576
- Chi phí nhân công	120.600.192.169	136.321.056.317
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.064.184.087	47.261.304.538
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.252.185.602	283.645.080.816
- Chi theo yếu tố khác	63.504.396.085	86.416.203.865
Cộng	667.020.141.748	670.615.656.609

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Nhóm Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ*Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024***Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3.1. Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị “(HĐQT)”, Ban Kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc)**

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Ông Trương Minh Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD	1.433.639.000	1.431.550.500
Ông Lê Vĩnh Khiêm	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Ông Trần Hữu Khánh	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Trang	Thành viên HĐQT	144.000.000	144.000.000
Bà Phan Hồng Liên	Trưởng BKS	144.000.000	144.000.000
Bà Hồ Thị Lưu	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Quang Sơn	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Đoàn Hữu Chí	Phó Tổng GD	636.532.000	632.775.800
Ông Âu Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	471.111.000	452.050.400
Cộng		3.477.282.000	3.452.376.700

3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Danh sách các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP SX TM XD Long Bình	Công ty liên kết
2. Công ty CP Thương mại Thế giới Du lịch	Công ty liên kết
3. Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	Đầu tư khác
4. Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam	Đầu tư khác
5. Công ty CP Sài Gòn Măng Đen	Đầu tư khác
6. Công ty TNHH Sài Gòn Viễn Đông	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
7. Công ty CP Đầu tư Địa ốc Khang Nam	Công ty có lãnh đạo có liên quan đến thành viên chủ chốt
8. Công ty TNHH Charlieone Việt Nam	Đối tác Hợp đồng hợp tác kinh doanh
9. Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai	Cổ đông lớn của Công ty
10. Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn của Công ty
11. Công ty CP Truyền thông Giải trí Terra	Cổ đông lớn của Công ty
12. Công ty TNHH Đầu tư Dự án Đại Phú Lộc	Công ty có lãnh đạo có liên quan đến thành viên chủ chốt trong Công ty
13. Bà Lê Thị Trâm Anh	Người có liên quan với thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
14. Ông Trương Minh Đạt	Người có liên quan với thành viên chủ chốt
15. Bà Trương Minh Nguyệt	Người có liên quan với thành viên chủ chốt
16. Công ty CP Xây dựng Khang Phát	Công ty có lãnh đạo có liên quan đến thành viên chủ chốt trong Nhóm Công ty

Giao dịch với bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Khang Nam		
- Chi hộ tiền điện, nước	8.467.815	15.346.650
Công ty TNHH Charlieone Việt Nam		
- Phân chia lãi/(lỗ) từ hoạt động vận hành	(34.111.072.869)	(52.987.629.209)
- Thu nhập từ tiền đảm bảo hợp tác kinh doanh	5.958.120.000	-
- Phí quản lý	-	1.237.980.591
- Mua dịch vụ	2.088.157.777	12.117.479.785
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.534.321.214	-
Công ty CP Thiết kế Kiến trúc Tương Lai		
- Mua dịch vụ	-	1.000.000.000
- Chi phí xây dựng	17.089.160.000	-
- Nhóm Công ty vay	157.000.000.000	-
- Nhóm Công ty trả nợ vay	47.100.000.000	65.000.000.000
- Lãi vay	17.341.252.113	3.798.064.643
- Trả lãi vay	8.849.571.484	-
- Nhóm Công ty hoàn trả tiền ứng trước	69.000.000.000	-
- Lãi trả chậm hoàn trả tiền cọc	4.809.567.192	3.202.273.971
- Nhóm Công ty thanh toán phí dịch vụ	2.380.643.026	-
- Cho vay	-	13.495.984.676
- Thu hồi tiền cho vay	13.495.984.676	-
- Lãi cho vay	355.510.213	1.267.006.682
- Thu lãi cho vay	1.622.516.895	-
- Mua công cụ, dụng cụ	2.403.247.320	929.453.125
- Chi phí thi công	5.000.000.000	-
Ông Trương Minh Thuận		
- Tạm ứng	-	3.341.600.000
- Thu hồi tạm ứng	5.580.114.850	4.561.485.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Xây dựng Khang Phát		
- Chi phí xây dựng	43.402.335.420	-
Công ty CP Thể Giới Du Lịch		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	269.965.280	104.351.401
- Trả nợ vay	-	500.000.000
- Lãi vay	-	813.699
Bà Lê Thị Trâm Anh		
- Trả nợ vay	2.444.724.000	8.718.635.000
- Lãi vay	5.321.058.156	7.108.160.090
Ông Trương Minh Đạt		
- Lãi vay	2.451.461.403	2.748.239.603
- Trả nợ vay	609.432.000	253.930.000

Số dư với bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.12, V.13, V.15, V.17, V.18.

4. Báo cáo bộ phận**- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Bán bất động sản	43.516.712.860	39.249.585.637	4.267.127.223
Xây dựng	86.129.965.412	80.826.370.973	5.303.594.439
Cho thuê	64.846.507.444	58.393.200.087	6.453.307.357
Trò chơi có thưởng	8.418.284.030	7.919.196.635	499.087.395
Khách sạn	353.992.612.351	189.289.233.328	164.703.379.023
Khác	15.839.286.261	4.822.028.192	11.017.258.069
Cộng	572.743.368.358	380.499.614.852	192.243.753.506

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Bán bất động sản	43.682.802.392	25.333.352.903	18.349.449.489
Xây dựng	83.383.666.298	61.061.038.943	22.322.627.355
Cho thuê	39.291.494.917	15.521.835.796	23.769.659.121
Trò chơi có thưởng	11.538.198.749	14.325.254.082	(2.787.055.333)
Khách sạn	322.283.265.055	178.651.598.921	143.631.666.134
Khác	28.836.935.821	9.086.040.445	19.750.895.376
Cộng	529.016.363.232	303.979.121.090	225.037.242.142

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Nhóm Công ty thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem Thuyết minh số V.6, V.8, V.9, V.10, và V.18).

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Nhóm Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ NGỌC

HÀ THU HƯƠNG

TRƯƠNG MINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Tại ngày 01/01/2023	963.754.090.000	748.683.126.824	4.502.976.820	(9.825.117.611)	90.898.033.248	267.845.817.505	156.458.972.108	2.222.317.898.894
Tăng trong năm	-	-	-	-	7.579.251.063	78.013.444.745	9.948.297.151	95.540.992.959
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	78.013.444.745	9.948.297.151	87.961.741.896
- Bổ sung từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	7.579.251.063	-	-	7.579.251.063
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(12.884.726.806)	-	(12.884.726.806)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(7.579.251.063)	-	(7.579.251.063)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.031.700.425)	-	(3.031.700.425)
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.273.775.318)	-	(2.273.775.318)
Tại ngày 31/12/2023	963.754.090.000	748.683.126.824	4.502.976.820	(9.825.117.611)	98.477.284.311	332.974.535.444	166.407.269.259	2.304.974.165.047
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
Tại ngày 01/01/2024	963.754.090.000	748.683.126.824	4.502.976.820	(9.825.117.611)	98.477.284.311	332.974.535.444	166.407.269.259	2.304.974.165.047
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.583.216.377	40.328.895.614	(6.106.986.599)	39.805.125.392
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	32.915.996.471	-	32.915.996.471
- Bổ sung từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	5.583.216.377	-	-	5.583.216.377
- Tăng khác	-	-	-	-	-	7.412.899.143	(6.106.986.599)	1.305.912.544
Giảm trong năm	-	-	(675.446.523)	-	(675.446.523)	(9.862.511.852)	(10.877.429.832)	(22.090.834.730)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(361.154.862)	(361.154.862)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(5.583.216.377)	-	(5.583.216.377)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.592.818.834)	(344.183.313)	(2.937.002.147)
- Thuởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.686.476.641)	(172.091.657)	(1.858.568.298)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	(675.446.523)	-	(675.446.523)	-	-	(1.350.893.046)
Tại ngày 31/12/2024	963.754.090.000	748.683.126.824	3.827.530.297	(9.825.117.611)	103.385.054.165	363.440.919.206	149.422.852.828	2.322.688.455.709

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



Chi tiết lợi ích của các cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng	Lãi/(lỗ) trong năm
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Bình Dương	107.040.000.000	-	-	(44.802.790.669)	62.237.209.331	(11.948.408.373)
Công ty CP Xây dựng Intresco	6.000.000.000	675.446.523	675.446.523	13.616.648.648	20.967.541.694	2.062.042.404
Công ty CP DV DL NH KS Royal	50.000.000.000	-	1.060.704.956	15.157.396.847	66.218.101.803	9.525.211.107
Cộng	163.040.000.000	675.446.523	1.736.151.479	(16.028.745.174)	149.422.852.828	(361.154.862)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng

HÀ THU HƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

